

Bản án số: 60/2019/HS-ST
Ngày 17-5-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh – Giáo viên hưu trí;
2. Bà Huỳnh Thị Lượng – Cán bộ hội phụ nữ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2019/HSST ngày 17 tháng 4 năm 2019 về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Kim D, sinh năm 1999, tại Trà Vinh; nơi thường trú: Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; tạm trú: Cơ sở sản xuất Phan Vĩnh T thuộc khu phố B, phường B, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 5/12; giới tính: Nam; dân tộc: Khơ-me; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kim T, sinh năm 1974 và bà Kim Thị S, sinh năm 1969; bị cáo có 04 anh, chị em, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2004; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Ngày 19/01/2019 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

- Bị hại: Cháu T, sinh ngày 14/8/2001; thường trú: Ấp S, xã H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; tạm trú: Nhà trọ H, khu phố B, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của Thạch Băng:

1. Bà Thạch Thị Sa R (mẹ ruột), sinh năm 1980; thường trú: Ấp Sóc C, xã Hùng H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; tạm trú: Nhà trọ H, khu phố B, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Thạch C, sinh năm 1999; địa chỉ: Nhà trọ H, khu phố B, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Kim Thị S, sinh năm 1969; địa chỉ thường trú: Ấp 6, xã T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Quốc N, sinh năm 1994; vắng mặt.

2. Ông Thạch C, sinh năm 1999; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Kim D và Thạch B cùng quê và là bạn học. Khoảng 20 giờ 00 ngày 10/11/2018, D đi bộ từ phòng trọ thuộc khu phố B, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đến khu nhà trọ H để chơi và ngủ qua đêm tại phòng số 3 của bạn tên D (không rõ nhân thân lai lịch, cùng chung khu trọ với Thạch B). Khoảng 09 giờ ngày 11/11/2018, D đi sang phòng trọ số 25 của B để mượn xe mô tô biển số 84H1-340.56 đi về phòng trọ của D thuộc phường B, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương thì B đồng ý. Khi về đến phòng trọ của mình, D nảy sinh ý định mang xe 84H1-340.56 của B đi cầm cố. D liền điều khiển xe mô tô biển số 84H1-340.56 đến tiệm cầm đồ T thuộc khu phố Bình Quới A, phường Bình Chuẩn, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tại đây D gặp ông Hà Trọng C hỏi cầm xe mô tô biển số 84H1-340.56 nhưng D không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký xe nên ông C không đồng ý. Lúc này một người đàn ông tên T (không rõ nhân thân lai lịch) đi từ trong tiệm cầm đồ T ra gặp D và nói xe không có giấy tờ thì không ai dám cầm, T hỏi mua xe mô tô biển số 84H1-340.56 nếu đồng ý thì điều khiển xe chạy theo T. Sau đó D điều khiển xe chạy theo T đến trước tiệm sửa xe A thuộc ấp Tân Hóa, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương do ông Nguyễn Quốc N làm chủ. Tại đây T thỏa thuận mua xe với giá 14.000.000 đồng thì D đồng ý, D nhận tiền sau đó đi bộ về phòng trọ. T gửi xe mô tô (không rõ biển số) tại tiệm sửa xe của N, sau đó T điều khiển xe mô tô của B đi đâu không rõ. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày B đến phòng trọ tìm D nhưng không gặp. Ngày 14/11/2018, B đến Công an phường Tân Phước Khánh trình báo sự việc. Công an phường Tân Phước Khánh tiến hành mời D về trụ sở làm việc, D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Công an phường Tân Phước Khánh tiến hành xác minh ban đầu và chuyển giao hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 280/KLTS-TTHS ngày 21/11/2018 của Hội đồng định giá giá trị tài sản Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên xác định giá trị của xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh xám đen, biển số 84H1-

340.56, Số máy: G3D4E702225; số khung 0610JY674498, giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 38.400.000 đồng.

Cáo trạng số 64/QĐ-KSĐT ngày 12/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố bị cáo Kim D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Kim D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

- Về hình phạt: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, h, i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Kim D từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả cho bà Kim Thị S số tiền 9.000.000 đồng theo ủy nhiệm chi chuyển khoản vào ngày 16/4/2019 tại Kho bạc Nhà nước thị xã Tân Uyên và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4, màu đen, số sên: R58KA5KNZX5 (Không kiểm tra tình trạng bên trong).

- Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân mang tên Kim D, số: 334957272 cấp ngày 11/5/2015.

- Về trách nhiệm dân sự: Bà Thạch Thị Sa R là người đại diện hợp pháp của bị hại Thạch B không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử đặt ra xem xét.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại Thạch B trình bày: Do mẹ của Thạch B đang sinh sống ở quê nên không có mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Tại phiên tòa đã có anh họ tên Thạch C đồng ý giám hộ. Thạch B thống nhất với lời khai của bị cáo về diễn biến sự việc, hành vi mà bị cáo đã thực hiện và thống nhất với ý kiến của bà R về việc không yêu cầu bồi thường và xin giảm nhẹ cho bị cáo. Thạch B đồng ý để bà S nhận lại số tiền 9.000.000 đồng và điện thoại.

Quá trình điều tra, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại bà Thạch Thị Sa R trình bày: Bà Thạch Thị Sa R là chủ sở hữu xe mô tô biển số 84H1-340.56, bà R giao xe Thạch B để làm phương tiện đi lại trên Bình Dương. Việc bị cáo chiếm đoạt xe như thế nào thì bà R không chứng kiến nhưng sau khi sự việc xảy ra thì bị cáo đã xin lỗi gia đình bị hại và bà Kim Thị S là mẹ ruột của bị cáo đã mua xe mô tô cùng nhãn hiệu với xe mô tô do bị cáo Kim D chiếm đoạt để bồi thường cho bà Thạch Thị Sa R. Hai bên thống nhất và đã làm cam kết với nhau với nội dung: Bà S đứng tên chủ sở hữu xe mới, hàng tháng bà S có

nghĩa vụ trả góp cho cửa hàng xe. Sau khi bà S trả hết tiền mua xe thì sẽ sang tên cho Thạch B. Hiện Thạch B đã nhận xe nên đối với số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) và điện thoại bị cáo đã lấy tiền bán xe của Thạch B để mua thì bà R thống nhất đề nghị Tòa án trả lại trực tiếp cho bà S để tạo điều kiện thuận lợi cho bà S trả tiền xe mới. Ngoài ra, phía bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Kim D.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kim Thị S trình bày: Bà S là mẹ ruột của bị cáo. Khi bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bạn thì bà S không biết. Nhưng khi biết sự việc thì bà S đã đến nhà bà R xin lỗi gia đình và bà đã mua xe mô tô cùng nhãn hiệu với xe mô tô do bị cáo Kim D chiếm đoạt (trị giá xe mới là 51.000.000 đồng) để bồi thường cho bà Thạch Thị Sa R. Hai bên thống nhất và đã làm cam kết với nhau với nội dung: Bà S đứng tên chủ sở hữu xe mới, hàng tháng bà S có nghĩa vụ trả góp cho cửa hàng xe. Sau khi bà S trả hết tiền mua xe thì sẽ sang tên cho Thạch B. Hiện tại Thạch B đang sử dụng xe mới do bà S mua. Do chồng bà S bị tai nạn, gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn nên bà S xin Hội đồng xét xử cho bà được nhận số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) và điện thoại bị cáo đã lấy tiền bán xe của Thạch B để mua. Vì như vậy thì bà S có điều kiện thuận lợi trả tiền góp xe mới mỗi tháng.

Quá trình điều tra ông Nguyễn Quốc N trình bày: Ông N là chủ tiệm sửa xe Anh H thuộc ấp Tân Hóa, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 11/11/2018 có một người tên T và một thanh niên lạ mặt có đến chỗ tiệm sửa xe của ông (nhưng không vào tiệm mà chỉ đứng trên vỉa hè nói chuyện). Ông N không biết hai bên thỏa thuận nội dung gì nhưng sau đó ông T có yêu cầu ông N rửa xe cho ông T, do tiệm đông nên ông T nói để xe đó ông sẽ lấy sau rồi ông T điều khiển xe đi đâu ông N không biết. Ông N không biết rõ nhân thân lai lịch của ông T nên không thể cung cấp được cho cơ quan điều tra. Ngoài nội dung trên ông N không biết nội dung nào khác. Ông cam đoan lời khai là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Thạch C khai: Ông C là người ở trọ chung với cháu Thạch B. Khoảng 09 giờ ngày 11/11/2018 khi đang nằm võng trước cửa phòng thì ông C có nghe bị cáo hỏi mượn xe của Thạch B, sau đó bị cáo điều khiển xe của Thạch B đi nhưng không thấy đem về trả nên ông đã cùng Thạch B đi tìm bị cáo nhưng không thấy. Sau đó Thạch B đã đi báo công an. Hiện nay, mẹ của bị cáo đã mua cho Thạch B một xe khác cùng hiệu. Mẹ của Thạch B nhờ nên ông đồng ý làm người đại diện hợp pháp cho Thạch B tại phiên tòa. Ông thống nhất với ý kiến của Thạch B và không bổ sung gì thêm.

Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật trái, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh và khung hình phạt:

Tại phiên tòa, bị cáo Kim D khai: Bị cáo và Thạch B có mối quan hệ bạn bè nên ngày 11/11/2018, bị cáo đã mượn xe mô tô biển số 84H1-340.56 của bị hại Thạch B. Sau đó bị cáo bán xe mô tô biển số 84H1-340.56 để lấy tiền tiêu xài. Lời khai của bị cáo trước sau thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận:

Vào ngày 11/11/2018, tại khu phố B, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, bị cáo Kim D đã có hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số 84H1-340.56 của bị hại Thạch B. Giá trị xe mô tô tại thời điểm bị chiếm đoạt là 38.400.000 đồng (*Ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng*). Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật hình sự. Tuy nhiên, vì mục đích tư lợi, thái độ coi thường pháp luật mà cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm đến quyền được bảo vệ về tài sản của người khác mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Cáo trạng truy tố bị cáo theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả; bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; là người dân tộc thiểu số và trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại bà Thạch Thị Sa Rum đã nhận xe mô tô cùng nhãn hiệu với xe mô tô do bị cáo Kim Diên chiếm đoạt của bị hại, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào các điều 46 và 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

+ Đối với số tiền 9.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4 là do bị cáo bán xe của bị hại mà có và để mua điện thoại. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự thì số tiền 9.000.000 đồng và điện thoại phải trả lại cho bị hại. Tuy nhiên, tại văn bản gửi Tòa án bà Thạch Thị Sa R và bị hại Thạch B tự nguyện không nhận các vật chứng này mà đồng ý để bà Kim Thị S được nhận vì bà S đã mua xe mô tô khác bằng phương thức trả góp để trả cho bị hại. Tại phiên tòa bà S cũng xin được nhận lại các vật chứng này. Đây là ý chí tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và trả số tiền và điện thoại trên cho bà S.

+ Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Kim D là giấy tờ tùy thân, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo Kim D.

[8] Đối với hành vi mua bán xe mô tô biển số 84H1-340.56 của đối tượng tên T. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên chưa xác định rõ nhân thân lai lịch của T. Do đó, đề nghị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên tiếp tục điều tra xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 106, 135, 136, 260, 268, 269, 298, 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 175; các điều 46 và 47; các điểm b, h, i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Kim D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Kim D 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

- Trả cho bà Kim Thị S số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) theo ủy nhiệm chi chuyển khoản vào ngày 16/4/2019 tại Kho bạc Nhà nước thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4, màu đen, số sên: R58KA5KNZX5 (Không kiểm tra tình trạng bên trong).

- Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân mang tên Kim D, số: 334957272 cấp ngày 11/5/2015.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16-4-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Kim D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

5.1 Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5.2 Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Công an thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền